TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 458/2022/DS-PT
Ngày: 14 - 7 - 2022
V/v Tranh chấp chia thừa kế, chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Bà Lê Thúy Cầu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp chia thừa kế, chia tài sản chung và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 714/2022/QĐPT ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Hàn Thị Thanh T, sinh năm 1980 (chết năm 2013).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hàn Thị Thanh T:

1.1. Bà Lưu Ngọc A, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Ngọc A: Ông Phạm Minh L, sinh năm 1993, trú tại: ấp T, xã T1, huyện C2, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2019); (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lưu Ngọc A: Ông Nguyễn

Thanh Huy, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh; (có mặt)

1.2. Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

1.3. Em Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 2005; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

1.4. Em Nguyễn Anh T2, sinh năm 2007; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật của em Nguyễn Hoàng N1 và em Nguyễn Anh T2: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng N: Bà Lưu Ngọc A, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2013).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hàng Văn N2, sinh năm 1940 (chết ngày 06/6/2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hàng Văn N2:

2.1.1 Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1939; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

2.1.2 Ông Hàn Văn H2, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

2.1.3 Ông Hàn Văn R (Huỳnh Thanh T3), sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

2.1.4 Bà Hàn Thị P, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

2.1.5 Hàn Thị S, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

2.1.6 Ông Hàn Thanh N3, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

2.1.7 Ông Hàn Quang Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

2.1.8 Ông Hàn Thanh N4, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp S1, xã L2, thành phố T4, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1, ông Hàn Văn R, bà Hàn Thị P, bà Hàn Thị S, ông Hàn Thanh N3, ông Hàn Quang Đ, ông Hàn Thanh N4: Ông Hàn Văn H2, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1,

tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 31/8/2019); (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

2.2. Ông Lưu Văn B, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị T5, sinh năm 1954; địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.2. Bà Võ Thị T6, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp A2, xã A3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.3. Ông Võ Thanh T7 (Võ Văn K), sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp H4, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.4. Bà Võ Thị H3, sinh năm 1964; địa chỉ: Khóm 6, thị trấn C3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.5. Ông Võ Văn B1, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.6. Bà Hàn Diễm T8, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.7. Bà Hàn Vũ L3, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp A2, xã A3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.8. Ông Hàn Vũ M, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.9. Ông Hàn Vũ B2, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.10. Ông Hàn Vũ Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.11. Bà Hàn Diễm H5, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.12. Ông Hàn Vũ C4, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.13. Bà Hàn Diễm H6, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hàn Diễm T8, bà Hàn Vũ L3, ông Hàn Vũ M, ông Hàn Vũ B2, ông Hàn Vũ Đ, bà Hàn Diễm H5, ông Hàn Vũ C4 và bà Hàn Diễm H6: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2011); (vắng mặt)

3.14. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.15. Bà Hàn Thị P2, sinh năm 1946; địa chỉ: 207 - K2 - T10 - R1 14624 USA; (vắng mặt)

3.16. Bà Hàn Thị K1, sinh năm 1937; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.17. Bà Hàn Thị T9, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hàn Thị P2, Hàn Thị K1 và bà Hàn Thị T9: Ông Hàn Văn C5, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2010 và ngày 10/4/2013); (có mặt)

3.18. Ông Hàn Văn C5, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C5: Ông Lâm Khắc Sinh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh; (có mặt)

3.19. Bà Lưu Ngọc A, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.20. Ông Hàn Văn V, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

3.21. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1960; địa chỉ: Khóm 7, thị trấn C3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Hàn Văn C5, Lưu Ngọc A

5. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2009, ngày 18/3/2010, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/9/2019 của nguyên đơn bà Hàn Thị Thanh T, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Lúc sinh thời ông Hàn Văn V1 (chết năm 2004) và bà Huỳnh Kim K3 (chết năm 2006) có 10 người con gồm Hàn Thị K1, Hàn Văn N2, Hàn Văn C5, Hàn Thị T9, Hàn Thị P2, Hàn Văn V, Hàn Thị Y (chết năm 1978), Hàn Văn L5 (chết lúc nhỏ), Hàn Anh Q (chết năm 2005) và Hàn Văn V2 (chết năm 2004). Vào năm 1994, hộ ông Hàn Văn V1 được Ủy ban nhân dân huyện C1, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 205, tờ bản đồ số 7, diện tích 12.040 m^2 do ông Hàn Văn V1 đại diện đứng tên. Sau khi ông Hàn Văn V2, ông Hàn Văn V1 và bà Huỳnh Kim K3 chết trong hộ chỉ còn bà Hàn Thị Thanh T và

bà Lưu Ngọc A chăm sóc thu hoa lợi trên phần đất này nhưng ông Hàn Văn N2 và Lưu Văn B ngăn cản không cho thu hoa lợi và có hành động chặt phá cây ăn trái mà gia đình bà T7 và bà A trồng. Nên bà Hàn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của hộ gia đình đối với thửa đất số 205, diện tích 12.040 m^2, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp A1, xã A3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H) và yêu cầu chia thừa kế đối với 1/5 diện tích 12.040 m^2, thửa đất số 205, tờ bản đồ số 7 là phần di sản của ông Hàn Văn V1, bà T7 yêu cầu được hưởng một phần thừa kế thế vị của ông Hàn Văn V2 do ông V2 chết trước ông V1. Yêu cầu chia thừa kế đối với 1/5 thửa đất số 205, diện tích 12.040 m^2, tờ bản đồ số 7 là phần di sản bà Huỳnh Kim K3 cho bà T7 được hưởng một phần thừa kế thế vị của ông Hàn Văn V2 do ông V2 chết trước bà K3.

** Theo đơn khởi kiện yêu cầu phản tố ngày 25/01/2010 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hàn Văn N2 trình bày:*

Cha mẹ của ông là ông Hàn Văn V1 (chết năm 2004) và bà Huỳnh Kim K3 (chết năm 2006) có tài sản là phần đất diện tích 12.040 m^2 đất vườn thửa số 205, bản đồ số 7, tọa lạc tại Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/1994 do hộ ông Hàn Văn V1 đứng tên. Trước khi chết, ông V1 và bà K3 có để lại di chúc phân chia phần đất này cho các con, đồng thời ông V1 còn đứng tên một thửa đất diện tích 5.672 m^2 trên đất có một căn nhà tường kiên cố, khi cha mẹ ông chết bà Lưu Ngọc A tự làm tờ tặng cho đất chuyển từ tên Hàn Văn V1 sang Lưu Ngọc A và được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 48 tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh. Nay ông yêu cầu Tòa án chia phần đất diện tích 12.040 m^2 theo di chúc, Hàn Văn N2 được hưởng 7.500 m^2 và chia thừa kế theo pháp luật phần đất diện tích 5.672 m^2 và nhà trên đất, ông N2 yêu cầu chia đều cho tất cả anh em.

** Ngày 01/9/2019 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hàn Văn N2 do ông Hàn Văn H2 đại diện trình bày:*

Thửa đất số 205, diện tích 12.040 m^2, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh và thửa đất số 48, diện tích 5.672 m^2, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của ông Hàn Văn V1. Lúc còn sống ông N2 có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế hai thửa đất trên, nay ông N2 đã chết những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N2 xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N2 cụ thể như sau: Xin rút yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa số 48 diện tích 5.672 m^2, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời, xin rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc đối với thửa đất số 205, diện tích 12.040m^2, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

** Bị đơn ông Lưu Văn B trình bày:*

Khi còn sống bà Huỳnh Kim K3 có cho ông diện tích đất 2.000 m^2, thuộc thửa số 205, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp A1, xã A3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh. Năm 2006 ông có thuê của ông Hàn Văn N2 phần diện tích đất còn lại 10.040 m^2 của thửa 205 để canh tác, thời gian thuê từ ngày 20/7/2006 đến ngày 19/7/2008 với số tiền 16.000.000 đồng khi hết thời gian thuê ông Bình đã trả lại cho ông N2 diện tích đất trên nên trong vụ án này ông không còn liên quan. Bà Lưu Ngọc A cho rằng ông đã chặt phá cây do bà A trồng và yêu cầu ông bồi thường giá trị cây đã chặt, bồi thường tiền tổn thất thu nhập hàng năm là ông không đồng ý vì ông không có chặt phá cây của bà A như bà A trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Ngọc A trình bày:*

Bà kết hôn với ông Hàn Văn V2 và sống chung với gia đình bên chồng từ năm 1979. Bà và ông V2 đã trực tiếp đầu tư trồng cây ăn trái và các loại cây khác trên diện tích đất 12.040 m^2, thuộc thửa số 205, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp A1, xã A3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh. bà A quản lý, tu bổ, sử dụng đất và tài sản trên đất trong suốt 25 năm không có tranh chấp với ai. Ngày 01/5/2004 ông Hàn Văn V2 chết, đến ngày 16/6/2004 ông Hàn Văn V1 chết thì đột nhiên ông Hàn Văn N2 và ông Lưu Văn B chiếm lấy và sử dụng diện tích nêu trên không cho gia đình bà A vào canh tác và thu hoạch cây ăn trái. Năm 2009 ông Lưu Văn B và ông Hàn Văn N2 đã ngang nhiên chặt phá vườn cây ăn trái trên diện tích đất 12.040 m^2 mà vợ chồng bà A đã trồng gồm: 200 cây Nhãn (17 năm tuổi), 06 cây Xoài (23 năm tuổi), 60 cây Sầu riêng (23 năm tuổi), 13 cây Dừa (23 năm tuổi), 100 cây Bưởi (13 năm tuổi), 31 cây Mít (17 năm tuổi), 25 cây Dâu (17 năm tuổi), 98 cây Mận (07 năm tuổi), 26 cây Măng cục (13 năm tuổi). Hành vi chiếm đất, chiếm tài sản trên đất và hành vi chặt phá cây cối có trên đất của ông Bình, ông N2 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà A và gia đình bà A. Nên bà Lưu Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lưu Văn B và ông Hàn Văn N2 phải liên đới bồi thường số cây cối đã chặt với số tiền bằng 99.400.000 đồng và bồi thường số tiền thu nhập hàng năm mà bà A bị tổn thất do cây trái bị chặt phá là 30.000.000 đồng/năm được tính từ năm 2004 đến khi xét xử sơ thẩm.

Đối với thửa đất số 205, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp A1, xã A3, huyện C1, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp cho hộ ông Hàn Văn V1 vào năm 1994, tại thời điểm này hộ ông Hàn Văn V1 gồm có 05 thành viên gồm: ông Hàn Văn V1, bà Huỳnh Kim K3, ông Hàn Văn V2, bà Lưu Ngọc A, bà Hàn Thị Thanh T. Bà Lưu Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong hộ đối với diện tích đất 12.040m^2, thuộc thửa số 205 nêu trên thành 5 phần bằng nhau, bà yêu cầu được hưởng một phần, hưởng đất hay hưởng giá trị đất bà đều đồng ý. Đồng thời, phần tài sản chung mà ông Hàn Văn V2 nhận được sau khi

chia tài sản chung, do ông V2 đã chết nên bà yêu cầu được hưởng phần thừa kế theo pháp luật đối với tài sản này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàn Thị K1 trình bày:*

Bà K1 thống nhất với phần trình bày của ông Hàng Văn N2 về nguồn gốc diện tích đất. Bà K1 yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất 12.040 m^2 thuộc thửa 205, tờ bản đồ số 7, tọa lạc Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà và diện tích đất 5.672 m^2 thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàn Thị T9 trình bày:*

Bà T9 thống nhất với phần trình bày của ông Hàng Văn N2 về nguồn gốc diện tích đất. Bà T9 yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất 12.040 m^2 thuộc thửa 205, tờ bản đồ số 7, tọa lạc Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà và diện tích đất 5.672m^2 thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hàn Văn C5 trình bày:*

ông C5 thống nhất với phần trình bày của ông Hàng Văn N2 về nguồn gốc diện tích đất. ông C5 yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất 12.040 m^2 thuộc thửa 205, tờ bản đồ số 7, tọa lạc Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà và diện tích đất 5.672m^2 thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàn Thị P2 trình bày:*

Nguồn gốc 02 thửa đất tranh chấp là của ông Hàn Văn V1 bà bà Huỳnh Kim K3 tạo lập được, căn nhà có trên thửa số 48, diện tích 5.672m^2 cũng do ông V1 và bà K3 tạo dựng được, trong quá trình sử dụng căn nhà bị hư hỏng Bà P2 có gửi tiền về cho ông Hàn Văn V2 tu bổ, sửa chữa lại căn nhà. Đối với vụ án này, Bà P2 yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Bà P2 đồng ý nhường lại một suất thừa kế mà bà được hưởng từ di sản của ông Hàn Văn V1 cho em của bà là ông Hàn Văn C5.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hàn Văn V trình bày:*

Trước khi cha mẹ ông chết có lập di chúc cho ông được hưởng 2.500 m^2 đất thửa 205 tờ bản đồ số 7, tọa lạc Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh. Ông V từ chối nhận phần diện tích được hưởng theo di chúc và ông không yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật phần tài sản của cha mẹ ông để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H3 và ông Võ Văn K trình bày:* Việc tranh chấp hai phần đất diện tích 12.040 m^2 và diện tích 5.670 m^2 ông, bà không có yêu cầu được hưởng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T6, bà Võ Thị T5, ông Võ Văn B1 đều thống nhất trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Hàn Văn V1 và Huỳnh Kim K3 tạo lập được, yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản nào có di chúc thì chia theo di chúc, phần tài sản nào không có di chúc thì chia theo pháp luật, bà Tuyến yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà và diện tích đất 5.672 m^2 thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X, bà Hàn Diễm T8, ông Hàn Vũ B2, ông Hàn Vũ C4, ông Hàn Vũ Đ và ông Hàn Vũ M, Hàn Vũ L3 trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Hàn Văn V1 và Huỳnh Kim K3 tạo lập được, yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản nào có di chúc thì chia theo di chúc, phần tài sản nào không có di chúc thì chia theo pháp luật, bà Xinh yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà và diện tích đất 5.672m^2 thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L4 trình bày:* Khoảng tháng 9 năm 2017 bà L4 có nhận chuyển nhượng của bà Lưu Ngọc A diện tích đất 5.672 m^2, thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh với số tiền là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Việc chuyển nhượng này, bà A đã tiến hành giao đất, nhận đủ tiền và bà L4 cũng đã được đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nhận chuyển nhượng thì bà L4 không biết diện tích đất tranh chấp, và địa phương cũng xác nhận là đất không có tranh chấp nên bà L4 mới đồng ý nhận chuyển nhượng đất của bà A. Đối với vụ án này, bà L4 yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà vì bà L4 đã nhận chuyển nhượng đất từ bà A hợp pháp.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, quyết định:*

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 165, Điều 273, Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 100, Điều 166, Điều 179 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng các Điều 611, Điều 624, Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của các đương sự Hàn Văn C5, Hàn Thị T9, Hàn Thị K1, Võ Thị T6 và bà Nguyễn Thị X đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 12.040 m^2 thửa số 205, tờ bản đồ số 7 loại đất ở và cây ăn quả tọa lạc tại Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh do cụ Hàn Văn V1 và cụ Huỳnh Kim K3 lập ngày 30/3/2003.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hàn Văn N2 về việc yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 12.040 m^2 thửa số 205, tờ bản đồ số 7 loại đất ở và cây ăn quả tọa lạc tại Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất thửa 48, tờ bản đồ số 19, diện tích 5.672 m^2 loại đất ở tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ bà Lưu Ngọc A (Do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hàn Văn N2 rút yêu cầu).

3. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Hàn Thị Thanh T đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 12.040 m^2 thửa số 205, tờ bản đồ số 7 loại đất ở và cây ăn quả tọa lạc tại Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh (Do bà Lưu Ngọc A là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hàn Thị Thanh T yêu cầu).

4. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Lưu Ngọc A đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 12.040 m^2 thửa số 205, tờ bản đồ số 7 loại đất ở và cây ăn quả tọa lạc tại Ấp A1, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

Tài sản chung thành viên trong hộ được hưởng là 1.845,5 m^2. Bà Lưu Ngọc A được hưởng phần tài sản chung của thành viên trong hộ, thừa kế di sản của ông Hàn Văn V2 và bà Hàn Thị Thanh T tổng diện tích 5.997,87 m^2, Bà Hàn Thị T9 được hưởng tài sản chung của hộ là 1.845,5 m^2 và hưởng phần di sản thừa kế là 461,37 m^2, tổng diện tích bà Hàn Thị T9 được hưởng là 2.306,87 m^2, bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6, ông Võ Thanh T7, bà Võ Thị H3, ông Võ Văn B1 được hưởng một phần thừa kế của bà Hàn Thị Y diện tích đất 461,37 m^2, bà Nguyễn Thị X, bà Hàn Diễm T8, bà Hàn Vũ L3, ông Hàn Vũ M, ông Hàn Vũ B2, ông Hàn Vũ Đ, bà Hàn Diễm H5, ông Hàn Vũ C4, bà Hàn Diễm H6 được hưởng một phần thừa kế của ông Hàn Anh Q diện tích đất 461,37 m^2, ông Hàn Văn C5 được hưởng một phần thừa kế diện tích 461,37 m^2, một phần thừa kế do bà Hàn Thị P2 tặng cho diện tích đất 461,37 m^2, phần công sức quản lý di sản và thờ cúng ông bà tương đương phần thừa kế là 461,37 m^2, như vậy ông Hàn Văn C5 được hưởng tổng diện tích đất là 1.384,11 m^2, bà Hàn Thị K1 được hưởng một phần thừa kế diện tích đất là 461,37 m^2.

Công nhận và giao ông Hàn Văn C5 tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích 9.196,7 m^2 và cây trồng trên đất thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 7 (phần K và H) có tứ cận như sau:

-Phía Đông giáp thửa 205 có số đo lần lượt là 59,58m, 5,06m, 5,02m

-Phía Tây giáp thửa 205 có số đo 98,10 m.

-Phía Nam giáp thửa 212 có số đo 152,08 m.

-Phía Bắc giáp thửa 205 có số đo lần lượt là 8,52m, 23,71m, 13,21m, 10,07m, 7,08m, 24,02m, 16,83m, 17,52m, và 1,04m (Có sơ đồ khu đất kèm theo công văn 448/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 20/11/2019).

Công nhận và giao bà Hàn Thị T9 tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích 1.876,8 m^2 và cây trồng trên đất thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 7 (phần A) có tứ cận như sau:

-Phía Đông giáp thửa 205 có số đo 98,10 m.

-Phía Tây giáp thửa 205 có số đo 99,89 m.

-Phía Nam giáp thửa 215 có số đo 19,30 m.

-Phía Bắc giáp thửa 205 có số đo 19,80 m (Có sơ đồ khu đất kèm theo công văn 448/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 20/11/2019).

Ông Hàn Văn C5 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho các đương sự gồm: Hoàn trả cho bà Lưu Ngọc A số tiền 458.837.055 đồng (5.997,87 m^2 x 76.500 đồng), hoàn trả cho bà Võ Thị T5, bà Võ Thị T6, ông Võ Thanh T7, bà Võ Thị H3, ông Võ Văn B1 số tiền 35.294.805 đồng (461,37 m^2 x 76.500 đồng), hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X, bà Hàn Diễm T8, bà Hàn Vũ L3, ông Hàn Vũ M, ông Hàn Vũ B2, ông Hàn Vũ Đ, bà Hàn Diễm H5, ông Hàn Vũ C4, bà Hàn Diễm H6 số tiền 35.294.805 đồng (461,37 m^2 x 76.500 đồng), hoàn trả cho bà Hàn Thị K1 số tiền 35.294.805 đồng (461,37 m^2 x 76.500 đồng), hoàn trả cho bà Hàn Thị T9 số tiền 32.900.355 đồng (430,07 m^2 x 76.500 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Hàn Văn C5, bà Hàn Thị T9 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện nghĩa vụ về tài chính để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

5. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Hàn Văn C5, bà Hàn Thị K1, bà Hàn Thị T9, bà Nguyễn Thị X và bà Võ Thị T6 đối với tài sản gắn liền với đất và diện tích đất 5.672 m^2 thuộc thửa 48 tờ bản đồ số 19 loại đất cây lâu năm đất tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh cấp cho hộ bà Lưu Ngọc A.

6. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và tiền mất thu nhập của bà Lưu Ngọc A về việc yêu cầu ông Lưu Văn B và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hàn Văn N2 gồm do ông Hàn Văn H2 làm đại diện bồi thường cho bà Lưu Ngọc A số tiền thiệt hại tài sản là 99.400.000 đồng và tiền mất thu nhập 480.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 08-09/10/2020 ông Hàn Văn C5, bà Lưu Ngọc A có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lưu Ngọc A rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 09/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh có quyết định kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao rút một phần quan điểm kháng nghị, theo đó chỉ kháng nghị đối với một phần bản án sơ thẩm về án phí, các phần còn lại đề nghị giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lưu Ngọc A – người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét việc việc rút kháng cáo của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và kháng cáo của ông Hàn Văn C5 cùng nội dung yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Hàn Văn V1 và cụ Huỳnh Kim K3 là quyền sử dụng đất thửa 48, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại Ấp C, xã H, huyện C1, tỉnh Trà Vinh và tài sản trên đất:

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, quyền sử dụng đất nêu trên được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Hàn Văn V1 ngày 21/12/1992. Theo Công văn số 250/UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C1 xác định cấp cho cá nhân cụ V1. Ngày 18/5/2004, cụ V1 tặng cho quyền sử dụng đất này cho bà Hàn Thị Thanh T. Ngày 22/7/2004, bà T7 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/10/2007, bà T7 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Lưu Ngọc A. Ngày 01/11/2007, bà A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017, bà A chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị L4. Hiện nay, bà Nguyễn Thị L4 đang quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất nhưng không tranh chấp và yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Xét thấy, mặc dù quyền sử dụng đất được cấp cho cá nhân cụ V1 nhưng đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ V1 và cụ Ky (kết hôn trước 1940). Căn cứ vào Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì quyền sử dụng nêu trên là tài sản chung của cụ V1 và cụ Ky. Do đó, việc cụ V1 tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà T7 là vi phạm nguyên tắc định đoạt tài sản chung của vợ chồng.

[2.2] Ông Hàn Văn C5, bà Hàn Thị T9, bà Hàn Thị K1 đều cho rằng, chữ ký trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/4/2004 không phải là chữ ký của cụ V1 và yêu cầu trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định để xác định chữ ký trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/4/2004 có phải chữ ký của cụ V1 hay không là căn cứ quan trọng, cơ sở để giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm không trưng cầu giám định vì lý do cụ V1 đã chết và những người yêu cầu trưng cầu giám định không cung cấp được chữ ký để so sánh là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và văn bản của Ủy ban nhân dân huyện C1 xác định quyền sử dụng đất

cấp cho cá nhân cụ V1 nên cụ V1 được quyền định đoạt, tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà T7, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật là không đúng, chưa đủ căn cứ vững chắc.

[2.3] Năm 2017, bà A chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị L4. Bà Nguyễn Thị L4 đang quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất nhưng không tranh chấp và yêu cầu giải quyết trong vụ án. Tuy nhiên, như trên đã phân tích, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật nên không xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà A và bà L4 là không đúng. Việc đánh giá tính hợp pháp của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và giải quyết yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L4. Do đó, phải giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong cùng vụ án mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.4] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hàn Văn C5 về việc chia thừa kế đối với diện tích đất tại thửa số 205 thấy rằng: Quá trình xem xét phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá chính xác và hợp lý đến công sức của người quản lý, sử dụng làm tăng giá trị của tài sản thừa kế. Điều này đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Việc xác định quyền, nghĩa vụ của người hưởng di sản thừa kế cũng chưa được xem xét thấu đáo và phù hợp, cụ thể: ông C5 cho rằng, cấp sơ thẩm giao đất cho ông và buộc ông phải thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế còn lại là không phù hợp, ông không có khả năng tài chính và có nguyện vọng được hưởng giá trị của kỷ phần thừa kế.

[3] Như đã nhận định và phân tích ở trên, do trong quá trình giải quyết tranh chấp này, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ không đầy đủ, việc giải quyết còn nhiều thiếu sót và chưa toàn diện. Những thiếu sót này, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, vì vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Riêng sai sót nội dung về án phí sẽ được giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Hàn Văn C5 được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm; bà Lưu Ngọc A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Ngọc A.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và một phần kháng cáo của ông Hàn Văn C5.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Lưu Ngọc A được hoàn trả lại 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003763 ngày 14/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết **Lê Thúy Cầu** **Phạm Công Mười**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 27bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười